

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HSST
Ngày: 23/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thi Thị Thanh Trúc.

2/ Ông Đỗ Văn Chúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Liệt, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2022/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/. Phạm Minh T, sinh ngày 01/01/1984; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ (Chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959; Con có 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 23/7/2022 cho đến nay. (Có mặt)

2/. Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn E (Chết) và bà Võ Thị M, sinh năm: 1950; Có vợ: Lê Thị Thúy D, sinh năm 1998; Con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2022 cho đến nay. (Có mặt)

3/. Trương Minh N, sinh ngày 15/11/1989; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp V, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1972; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 04/12/2021, áp

dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/12/2021 cho đến nay. (Có mặt)

4/. Nguyễn Minh T, sinh năm 1996; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (Chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1959; Vợ con không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 25/11/2021 đến ngày 04/12/2021, áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/12/2021 cho đến nay. (Có mặt)

5/. Trần Thanh L, sinh ngày 19/12/1996; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M, sinh năm: 1970 và bà Lê Thị T, sinh năm: 1978; Vợ con: không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ ngày 25/11/2021 đến ngày 04/12/2021, áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/12/2021 cho đến nay. (Có mặt)

6/. Thạch D, sinh ngày 15/6/1994; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch T (Chết) và bà Sơn Thị V, sinh năm: 1975; Vợ con: không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2022 cho đến nay. (Có mặt)

7/. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 06/4/1987; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn E (Chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1953; Vợ: Phan Thị Ngọc Minh, sinh năm 1989; Con: có 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2022 cho đến nay. (Có mặt)

8/. Lê Thành H2, sinh ngày 15/9/1991; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Định T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966; Vợ con: không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2022 cho đến nay. (Có mặt)

9/. Trần Thanh L1, sinh năm 1982; Nơi sinh: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp V, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn G, sinh năm 1954 và bà Trương Thị U (Chết); Vợ: Phạm Thị Hàn N; con: không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2022 cho đến nay. (Có mặt)

- Người bị hại: Anh Vũ Hồng N, sinh năm 1989. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Ngãi Lợi, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa anh Nguyễn Văn H là chủ quán Làng Quê có mâu thuẫn với Phạm Minh T. Sau đó, T điện thoại cho Lê Văn C biết việc mâu thuẫn với H. Do quen biết nên C đến quán Làng Quê để giải hòa giữa T và H. Khi đến quán thì những người làm trong quán Làng Quê ném chai bia và dùng cây sắt đánh nên T và C bỏ C. H1 quả, Nguyễn Mạnh T là người làm thuê cho H, đã dùng cây sắt dài khoảng 1,5 mét đánh trúng ngón trỏ phải của C bị thương. T chở C đi đến Bệnh viện Trường đại học Trà Vinh băng bó vết thương sau đó đưa C về nhà của C rồi T đi bộ về nhà của T. Khi T đi ngang quán Làng Quê thì nhóm người trong quán Làng Quê đuổi đánh T thì T bỏ C về nhà.

Lúc này, Lê Thành H2 ở gần đó nhìn thấy T bị đuổi đánh. Khi đó, Nguyễn Văn H đi lại nhà L chơi, L nói cho H biết việc T và C bị rượt đánh dẫn đến C bị thương. H gọi điện cho T hỏi sự việc thì T kể cho H nghe. Sau đó, L và H cùng đi lại nhà của H. Khi về đến nhà H, L gọi điện cho Thạch D đến nhà của H; H2 gọi điện cho H thông báo việc thấy T bị nhóm người trong quán H rượt đuổi. H gọi điện cho Trương Minh N nói việc C và T bị người trong quán Làng Quê đuổi đánh làm C bị thương. H kêu N lên phụ đánh nhau với nhóm của H. N đồng ý. N gọi điện cho Nguyễn Văn H1 nói T bị đánh và kêu H1 lên chùa Cao Đài tại ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Lúc này, H1 đang ở chòi tôm thuộc ấp T, xã K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, H1 biết là đi đánh nhau nên H1 lấy con dao đem theo. N lấy con dao loại dao mác đem theo và nói với Nguyễn Minh T là đi đánh nhau (T đang ở nhà N). Sau đó, N gọi cho L đến rước nhưng L nói là để Lê Thành H2 rước N. Khi đi, N kêu T ở nhà nhưng T không đồng ý mà lấy xe chở N đi một đoạn thì xe hết xăng nên N gọi cho Trần Thanh L biết việc T và C bị đánh và kêu L đến rước. T để xe lại chỗ nhà máy của anh Bùi Văn L. Khi đó, L chạy xe lại chở N và T đến cổng Bãi Vàng thì gặp H2 C xe đến, T qua xe cho H2 chở đến nhà của H.

Tại nhà của H lúc này, gồm có: H, N, L, T, L, Thạch D, H2, H1. Tại đây, tất cả đều đưa ra ý kiến, bàn bạc để đánh lại nhóm của H trả thù cho C và T. Bàn bạc là cho T khiêu khích nhóm của H, nhóm còn lại núp trong tối ở gần đó, khi nhóm của H ra sẽ đánh lại và nhóm sẽ đi đường trong để nhóm của H không phát hiện. Tất cả đều thống nhất.

Sau khi thống nhất, H gọi điện nói kế hoạch cho T biết và T hẹn gặp nhau ở trước chùa Cao Đài (chỗ có 2 cây điệp lớn). Trước khi đi, T và L mỗi người lấy một con dao ở nhà của H, L thì có người đưa cho con dao tự chế (cây rựa), D được một người đưa cho con dao (L và D không rõ ai đưa dao), H2 thì về nhà của H2 lấy dao, H1 và N thì có dao sẵn, H cầm 2 cục gạch. Khi đi, H C xe chở T, H2 chở N, D chở L, L chở H1 đi đến chùa Cao Đài gặp T. Khi tất cả đến chùa Cao Đài thấy T đang cầm ống tuýp sắt dài khoảng 50 - 60 cm đứng đợi. Khi gặp nhau, cả nhóm không nói gì thêm. T cầm tuýp sắt đi bộ trước đến quán Làng Quê để dụ nhóm người của H trong quán ra như kế hoạch đã bàn trước. Những người còn lại gồm: H, N, L, T, L, D, H2, H1 đi bộ theo sau T và khi gần quán Làng Quê thì núp. Khi đến cửa quán Làng Quê, quán đã đóng cửa nên T chọi gạch đá vào quán và chửi thì nhóm người của H trong quán Làng Quê có Nguyễn Triệu Phú; Nguyễn Văn Thông, mỗi người cầm 2 vỏ chai bia; Vũ Hồng N đầu đội đèn pin, tay cầm

cây sắt, mở cửa quán C ra ngoài lộ rượt đánh T. Khi đó, T C về hướng của nhóm đang núp. Khi N, Phú và Thông C đến chỗ nhóm của H đang núp thì cả nhóm của H xông ra, Phú, Thông và N quay lại, C về quán nhưng khi đó N bị N cầm dao ở tay phải chém một cái trúng vào tay trái, N C được khoảng 3-4 mét thì té nằm sấp xuống đường. T cũng cầm dao ở tay phải đến chém trúng 01 cái vào tay trái và trúng 01 cái vào lưng của N, T tiếp tục cầm dao chém nhiều cái nữa vào người N. L cầm dao C đến chém một cái trúng vào lưng của N. T cầm tuýp sắt quay lại đánh vào người của N.

Tiếp đến thì D, H2, L, H1 cầm dao C lại nhưng không có chém N. H thì chọi gạch đá vào nhóm người trong quán Làng Quê. Sau đó, cả nhóm quay lại chùa Cao Đài lấy xe về. N được người của quán Làng Quê đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị thương tích.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 159/21/TgT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Trung T Pháp y – Sở y tế Trà Vinh:

Dấu vết chính qua giám định: sẹo trung bình 1/3 dưới mặt sau cánh tay trái. Tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình mặt ngoài khuỷu trái. Tỷ lệ 2%; Sẹo nhỏ vùng cằm. Tỷ lệ 1%. Sẹo nhỏ 1/3 dưới mặt sau cẳng tay trái. Tỷ lệ 1%. Sẹo nhỏ 1/3 giữa mặt trước cẳng chân trái. Tỷ lệ 1%.

Kết Luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y T thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Vũ Hồng N là 7%, theo N tắc cộng tại Thông tư.

Cơ chế hình thành vết thương trên người của nạn nhân Vũ Hồng N là: do ngoại lực tác động trực tiếp; vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc, hướng từ trên xuống.

Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số: 160/21/TgT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Trung T Pháp y – Sở y tế Trà Vinh:

Dấu vết chính qua giám định: sẹo trung bình vùng giữa lưng trên. Tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng trên lưng trái. Tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng trên lưng kéo dài từ phải sang trái. Tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng vai phải. Tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng trên lưng phải. Tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng giữa lưng kéo dài từ phải sang trái. Tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng giữa lưng phải. Tỷ lệ 2%; Sẹo nhỏ vùng vai trái. Tỷ lệ 1%; Sẹo nhỏ vùng dưới lưng phải. Tỷ lệ 1%; Sẹo nhỏ vùng dưới lưng trái. Tỷ lệ 1%; Vùng giữa lưng có vết thay đổi sắc tố da. Tỷ lệ 1%.

Kết Luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y T thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Vũ Hồng N là 17%, theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

Cơ chế hình thành vết thương trên người của nạn nhân Vũ Hồng N là: do ngoại lực tác động trực tiếp; vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc; hướng từ trên xuống.

Tổng tỷ lệ thương tích tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 159/21/TgT ngày 03 tháng 12 năm 2021 và tỷ lệ thương tích các vết thương vùng lưng là 23%, theo N tắc cộng tại Thông tư.

Về vật chứng:

Khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu được: 01 thanh kim loại, kích thước 1,8 cm x 1,8 cm, dài 205 cm, đã bị cong (dạng cánh cung); 01 đôi dép dạng tổ ong, màu xanh.

Quá trình điều tra, các đối tượng đã giao nộp các con dao đã dùng chém Vũ Hồng N rồi đem về nhà cất giấu, cụ thể là:

Trương Minh N giao nộp 01 con dao dài 57 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27 cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ, hình trụ tròn dài 30 cm, chu vi 31 cm.

Nguyễn Văn H1 giao nộp 01 con dao bằng kim loại có kích thước 40 cm, phần cán dao và lưỡi dao liền nhau, phần cán dao dài 10 cm, chu vi cán dao 10 cm, lưỡi dao dài 30 cm, một bề sắc bén, phần rộng nhất 6,1 cm, phần hẹp nhất 03 cm.

Trần Thanh L giao nộp: 01 con dao tự chế (rựa) dài 73 cm, có lưỡi là kim loại dài 32 cm, nơi rộng nhất 6 cm, phần mũi chéch về lưỡi, phần cán bằng gỗ tròn dài 41 cm, đường kính cán là 4 cm.

Nguyễn Minh T giao nộp: 01 con dao có tổng chiều dài là 36 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi bằng, dài 24 cm, rộng 8 cm; cán dao làm bằng gỗ, có hình trụ tròn, dài 12 cm, chu vi cán dao 31 cm. T cho rằng đây không phải là con dao mà T dùng để chém Vũ Hồng N. Con dao dùng để chém Vũ Hồng N, T bỏ vào bao nylon chung với dao của Lê Thành H2, Trần Thanh L.

Đối với các con dao do Lê Thành H2, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T dùng để gây thương tích cho Vũ Hồng N, sau khi gây thương tích xong đã bỏ vào bao nylon, H2 đã ném xuống sông gần khu vực phà Bãi Vàng thuộc ấp B, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không gặp.

Đối với con dao do Thạch D dùng để gây thương tích cho Vũ Hồng N, sau đó đã đem về bỏ trước nhà của Nguyễn Văn H. Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không gặp.

Riêng ống tuýp mà Phạm Minh T cầm đánh Vũ Hồng N, do T không thành khẩn khai báo nên không thể truy tìm được.

Tại cáo trạng số: 54/VKS-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo Phạm Minh T, Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1 thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về thương tích

số: 159/21/TgT ngày 03 tháng 12 năm 2021 và bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số: 160/21/TgT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Trung T Pháp y – Sở y tế Trà Vinh cũng như biên bản thực nghiệm điều tra. Trong quá trình tiến hành tố tụng tại cơ quan điều tra các bị cáo không bị bức cung, không bị cưỡng ép, lời khai của bị cáo là tự giác, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo; Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành. Riêng bị cáo Phạm Minh T trình bày là giữa bị cáo và các bị cáo khác không có bàn bạc việc phạm tội mà là hẹn nhau đến điểm chùa và bị cáo chỉ đi đến quán Làng Quê để xem có ai trong quán hay không và khi đến quán bị cáo có ném đá vào khu vực quán rồi bị rượt đánh chứ không khiêu khích người trong quán, cũng như chỉ đánh bị hại bằng cây củi chứ không phải bằng ống tuýp sắt.

- Người bị hại anh Vũ Hồng N trình bày: Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường do các bị cáo đã bồi thường xong.

- Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa cũng như các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị kiểm sát viên quyết định giữ N nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo: Phạm Minh T, Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1, phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017), với tình tiết định khung là dùng hung khí nguy hiểm và phạm tội có tổ chức. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tính từ ngày 23/7/2022.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Thời gian tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành án. Riêng các bị cáo Trương Minh N, Nguyễn Văn T, Trần Thanh L thời gian chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 04/12/2021.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời gian tính từ ngày bắt các bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự do các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận và bồi thường xong, bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra vị kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời trình bày của bị cáo Phạm Minh T cho rằng bị cáo không có bàn bạc cũng như không nghe bị cáo Nguyễn Văn H cho biết về kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội là lời nài ra của bị cáo. Thực tế bị cáo H có điện thoại và nói cho bị cáo biết việc thực hiện nên bị cáo đến điểm hẹn gặp mặt và bị cáo đi đến quán Làng Quê thực hiện việc khiêu khích bằng cách chọi gạch vào quán 02 lần và cầm sẵn cây, khi bị rượt thì bị cáo cho rằng C về nhà nhưng bị cáo C đến nơi các bị cáo khác đang núp và sau khi bị hại té ngã thì bị cáo C đến để đánh bị hại, đúng như kế hoạch của bị cáo H cùng các bị cáo khác đưa ra. Ngoài ra, bị cáo T cho rằng bị cáo cầm khúc cây lượm tại hiện trường, không phải là ông tuýp chuẩn bị sẵn từ nhà bị cáo cũng là lời nài ra vì khi đến điểm hẹn là trước chùa Cao Đài thì các bị cáo khác có người thấy bị cáo cầm tuýp sắt, có bị cáo thấy bị cáo cầm một cây tròn nhưng không rõ cây gì, như vậy cho thấy bị cáo đã chuẩn bị cây sẵn từ trước, không như lời trình bày của bị cáo. Điều đó chứng tỏ bị cáo không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội.

Căn cứ vào các lời khai nhận tội của các bị cáo khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị hại và những người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định; Kết quả thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào tối ngày 23/11/2021, bị cáo Nguyễn Văn H nghe được việc anh Lê Văn C và bị cáo Phạm Minh T bị nhóm quán Làng Quê đánh và rượt đuổi nên bị cáo đã liên hệ, nói cho bị cáo N biết về sự việc. Bị cáo L cùng đi với bị cáo H đến nhà bị cáo H, khi đó bị cáo L liên hệ bị cáo D, bị cáo N đã liên hệ các bị cáo T, H1, L cùng đến nhà bị cáo H. Bị cáo H2 thấy T bị rượt nên thông báo cho bị cáo H biết và nghe nói tập trung tại nhà H thì bị cáo H2 đến nhà H. Tại nhà bị cáo H, các bị cáo bàn bạc kế hoạch là cho bị cáo T đến quán Làng Quê khiêu khích những người trong quán, khi những người trong quán Làng Quê rượt bị cáo T, thì bị cáo C lại phía các bị cáo núp gần đó để các bị cáo rượt chém trả thù. Sau khi bàn bạc thì bị cáo H điện thoại cho bị cáo T thông báo kế hoạch thực hiện và hẹn nhau đến trước cửa chùa Cao Đài. Tại điểm hẹn chùa Cao Đài thì bị cáo T cầm tuýp sắt đi trước, các bị cáo H, D, N, H2, L, T, H1, L cầm dao đi sau đến gần quán Làng Quê và núp trong bóng tối, còn bị cáo T đến trước cửa quán chọi đá vào quán khiêu khích. Lúc này Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Triệu Phú và bị hại Vũ Hồng N từ trong quán mở cửa C ra rượt bị cáo T đến điểm các bị cáo khác núp thì các bị cáo C ra. T, P và N chạy ngược lại quán thì N bị bị cáo N dùng dao chém vào tay trái một nhát, anh N tiếp tục C

được một đoạn thì vấp ngã nằm sấp xuống lộ, lúc này bị cáo T cầm dao C đến chém hai lần trúng vào tay trái và lưng anh N, bị cáo T dùng dao chém nhiều nhất nữa vào người bị hại N nhưng không biết chém bằng bao nhiêu lần và trúng ở đâu. Tiếp theo bị cáo L cầm dao C đến chém anh N một cái trúng vào lưng, bị cáo T quay lại dùng tuýp sắt đánh trúng vào người anh N 02 cái, các bị cáo H2, L, H1 và L cầm dao C đến định chém nhưng thấy anh N chảy nhiều máu nên các bị cáo đứng nhìn không tham gia chém anh N.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định về mặt chủ quan là sau khi các bị cáo tập trung tại nhà của bị cáo H các bị cáo đã bàn bạc thống nhất là cho bị cáo T sẽ khiêu khích nhóm người anh H chủ quán Làng Quê, còn các bị cáo khác núp gần đó, khi nhóm người anh H rượt bị cáo T đến chỗ các bị cáo núp thì các bị cáo sẽ xông ra chém trả thù, điều này thể hiện rõ sự thống nhất ý chí giữa các bị cáo với cùng mục đích sẽ sử dụng hung khí đã chuẩn bị sẵn gây thương tích cho nhóm người của anh H. Sau khi thực hiện như kế hoạch đã bàn bạc thì bị hại Vũ Hồng N C ra rượt đuổi bị cáo T thì bị các bị cáo khác cầm dao xông ra chém gây thương tích cho anh N với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh N là 23%. Như vậy, hành vi của các bị cáo có tính đồng phạm được quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung hình phạt là dùng hung khí nguy hiểm và có tổ chức được quy định tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số 54/CT-VKS-HS ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo: Phạm Minh T, Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1, về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Tội phạm các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của các bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, hành vi gây án của các bị cáo rất mạnh động, liều lĩnh mang tính băng nhóm đã gây mất an ninh, trật tự ở địa phương và gây lo sợ cho quần chúng nhân dân và bức xúc trong dư luận. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, tức là các bị cáo đều nhận thức được hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm tấn công vào người bị hại là sẽ gây tổn hại về sức khỏe và có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại nếu không có sự can ngăn, cấp cứu kịp thời, nhưng với bản chất hành xử côn đồ, xem thường pháp luật và tính mạng, sức khỏe người khác, thích giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực theo kiểu hoạt động băng nhóm.

[4] Vị trí, vai trò của từng bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá hành vi của từng bị cáo trong vụ án là có cơ sở.

Bị cáo Phạm Minh T không thật thà khai báo về hành vi của mình, bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng sự việc bắt đầu từ bị cáo, bị cáo là người khiêu khích với nhóm của bị hại Vũ Hồng N. Bị cáo Nguyễn Văn H không phải là người bị rượt đánh nhưng bị cáo là người điện thoại cho một số bị cáo khác và lấy điểm nhà

mình để bàn bạc thực hiện hành vi và bị cáo là người điện thoại thông báo cách thức phạm tội với bị cáo T. Bị cáo Nguyễn Minh T là người đồng phạm với vai trò thực hành rất tích cực, mạnh động và thể hiện tính chất hung hãn. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm về thương tích mà bị cáo đã trực tiếp gây ra cho bị hại N. Từ vai trò trên, Hội đồng xét xử N cần áp dụng hình phạt cho các bị cáo T, H, T cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Trương Minh N, bị cáo Trần Thanh L là người thực hiện chém với bị hại nhưng mỗi người chém một dao nên hai bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Đối với các bị cáo Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1 không có mâu thuẫn với bị hại cũng như mâu thuẫn với nhóm anh H chủ quán Làng Quê, nhưng khi nghe có người rượt đánh bạn mình, biết rõ mục đích các bị cáo khác cầm dao đi đánh nhau nhưng các bị cáo vẫn đi theo và chuẩn bị hung khí nhằm để đánh nhau. Như vậy, cho thấy ý chí của các bị cáo: L, D, H2, H1 cũng mạnh động, thích giải quyết mâu thuẫn bằng con đường bạo lực. Khi bị hại N bị chém nằm trên lộ thì các bị cáo cầm dao C đến định chém bị hại nhưng vì thấy bị hại bị thương nhiều quá nên không chém bị hại. Do đó, các bị cáo cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi của mình.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1 không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Vụ án xảy ra, các bị cáo khắc phục H1 quả và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng bị cáo T tuy không thành khẩn khai báo nhưng có khắc phục H1 quả và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra các bị cáo Trần Thanh L, Trần Thanh L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 và Trương Minh N có người thân tham gia cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị hại đã nhận bồi thường xong nên không yêu cầu bồi thường tiếp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 thanh kim loại, kích thước 1,8 cm x 1,8 cm, dài 205 cm, đã bị cong (dạng cánh cung); 01 đôi dép dạng tổ ong, màu xanh; 01 con dao dài 57

cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27 cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ, hình trụ tròn dài 30 cm, chu vi 31 cm; 01 con dao bằng kim loại có kích thước 40 cm, phần cán dao và lưỡi dao liền nhau, phần cán dao dài 10 cm, chu vi cán dao 10 cm, lưỡi dao dài 30 cm, một bề sắc bén, phần rộng nhất 6,1 cm, phần hẹp nhất 03 cm; 01 con dao tự chế (rựa) dài 73 cm, có lưỡi là kim loại dài 32 cm, nơi rộng nhất 6 cm, phần mũi chéch về lưỡi, phần cán bằng gỗ tròn dài 41 cm, đường kính cán là 4 cm; 01 con dao có tổng chiều dài là 36 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi bằng, dài 24 cm, rộng 8 cm, cán dao làm bằng gỗ, có hình trụ tròn, dài 12 cm, chu vi cán dao 31 cm là công cụ phạm tội và tài sản không có giá trị nên căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[11] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh T, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 04/12/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh L và bị cáo Trương Minh N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh L 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 04/12/2021.

Xử phạt: Bị cáo Trương Minh N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/11/2021 đến ngày 04/12/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh L, bị cáo Thạch D, bị cáo Lê Thành H2 và bị cáo Nguyễn Văn H1, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh L 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Thạch D 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành H2 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại, kích thước 1,8 cm x 1,8 cm, dài 205 cm, đã bị cong (dạng cánh cung); 01 đôi dép dạng tổ ong, màu xanh; 01 con dao dài 57 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27 cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ, hình trụ tròn dài 30 cm, chu vi 31 cm; 01 con dao bằng kim loại có kích thước 40 cm, phần cán dao và lưỡi dao liền nhau, phần cán dao dài 10 cm, chu vi cán dao 10 cm, lưỡi dao dài 30 cm, một bề sắc bén, phần rộng nhất 6,1 cm, phần hẹp nhất 03 cm; 01 con dao tự chế (rựa) dài 73 cm, có lưỡi là kim loại dài 32 cm, nơi rộng nhất 6 cm, phần mũi chéch về lưỡi, phần cán bằng gỗ tròn dài 41 cm, đường kính cán là 4 cm; 01 con dao có tổng chiều dài là 36 cm, lưỡi dao bằng kim loại, mũi bằng, dài 24 cm, rộng 8 cm, cán dao làm bằng gỗ, có hình trụ tròn, dài 12 cm, chu vi cán dao 31 cm.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Buộc các bị cáo: Phạm Minh T, Nguyễn Văn H, Trương Minh N, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Thanh L, Thạch D, Lê Thành H2, Nguyễn Văn H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nguyên